

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN SƠN
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **18/2025/HS-ST**
Ngày 04/3/2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN SƠN, TỈNH TUYÊN QUANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Toàn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Duy Chung và ông Trần Văn Ngọc

Thư ký phiên tòa: ông Lương Chung Duy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Mai Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Nhà văn hóa thôn B, xã T, huyện Y, Tòa án nhân dân huyện Yên Sơn mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai, lưu động vụ án hình sự thụ lý số 13/2025/TLST- HS, ngày 21/01/2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2022/QĐXXST-HS, ngày 11/02/2025 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Bàn Thị T, sinh ngày 28/5/1978, tại tỉnh Tuyên Quang; nơi cư trú: thôn K, xã T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Dao; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: không; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Họ và tên bố: Bàn Văn T1 (đã chết); Họ và tên mẹ: Dương Thị T2, sinh năm 1947; Họ và tên chồng: Triệu Văn S, sinh năm 1977; Con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2001, con nhỏ sinh năm 2007; Nhân thân, Tiền án, Tiền sự: Không;

Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. *(có mặt)*

2. Họ và tên: Triệu Văn S, sinh ngày 29/8/1977, tại tỉnh Tuyên Quang; nơi cư trú: thôn K, xã T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; dân tộc: Dao; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 02/12; Họ và tên bố: Triệu Đức P, sinh năm 1947; Họ và tên mẹ: Bàn Thị H (đã chết); H1 và tên vợ: Bàn Thị T; Sinh năm 1978; con: Có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2001, con nhỏ nhất sinh năm 2007; Nhân thân, Tiền án, Tiền sự: Không;

Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. *(có mặt)*

*** Người bào chữa cho các bị cáo Bàn Thị T, Triệu Văn S:** Bà Nguyễn Kim T3 – Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh T.

* Nguyên đơn dân sự: Ủy ban nhân dân xã T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.
Người đại diện theo pháp luật: Bà Lý Thu H2, chức vụ: Chủ tịch.
Người đại diện theo ủy quyền: Ông Triệu Văn T4, chức vụ: Phó chủ tịch UBND xã T. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do thiếu đất để sản xuất và muốn có đất để trồng cây Keo phát triển kinh tế gia đình; trong khoảng thời gian cuối tháng 4 đầu tháng 5 năm 2024, bị cáo Bàn Thị T cùng chồng là Triệu Văn S cùng nhau dùng dao quắm chặt, phát rừng tại Lô 3-DRT và Lô A- HG2, khoảnh 167, loại rừng sản xuất (theo bản đồ hiện trạng rừng năm 2023 của xã T, huyện Y) nay là Lô C - DT1 và Lô 9 - HG2, khoảnh 167 (theo bản đồ phân 03 loại rừng ban hành kèm theo Quyết định 248/QĐ-UBND ngày 17/7/2024 của UBND tỉnh T về việc phê duyệt kết quả rà soát, xây dựng bản đồ 3 loại rừng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang). Hành vi chặt phá hủy hoại rừng do các bị cáo Bàn Thị T và Triệu Văn S thực hiện như sau:

Khoảng 07 giờ một ngày cuối tháng 4/2024 (không nhớ chính xác ngày), Bàn Thị T một mình đi bộ từ nhà cầm theo 01 con dao quắm phần chuôi gỗ có chiều dài 13cm, phần dao bằng kim loại dài 40cm, bản dao chỗ rộng nhất 4,7cm đến khu vực rừng thuộc Lô C và Lô I, khoảnh 167 (cách nhà T khoảng 03 km) dùng dao chặt, phát các loại cây thân gỗ nhỏ, cây vầu, cây bụi, dây leo, T phát rừng đến khoảng 16 giờ cùng ngày thì nghỉ về nhà nghỉ. Khoảng 05 đến 07 ngày sau một mình Tươi tiếp tục đi bộ đến khu rừng đang phát dỡ nêu trên, sử dụng dao quắm tiếp tục chặt, phát cây rừng, phát đến khoảng 16 giờ cùng ngày thì nghỉ đi về nhà. Khi về nhà T nói cho Triệu Văn S biết việc mình đã dùng dao chặt, phát những cây thân gỗ nhỏ, cây vầu, cây bụi... còn những cây gỗ to không thể dùng dao chặt hạ được, S bảo những cây thân gỗ to để Sáng mang máy cưa xăng vào cắt hạ.

Sau lần thứ hai đi phát rừng về, nghỉ khoảng 03 đến 04 ngày sau, T mang theo dao quắm, Sáng mang theo 01 chiếc cưa máy (cưa xăng) cùng đi bộ đến khu vực rừng đang phát dỡ nêu trên để tiếp tục chặt, phát thêm diện tích rừng. Khi đến nơi T dùng dao chặt, phát các cây thân gỗ nhỏ, cây vầu và cây bụi, cây dây leo, còn S dùng cưa xăng cắt hạ những cây thân gỗ lớn có đường kính từ 10- 45cm. Tươi và Sáng chặt, phá rừng đến khoảng 17 giờ cùng ngày thì phát xong diện tích rừng trên. Vợ chồng T, S chờ để cho các thân cây rừng khô sẽ đốt, dọn. Khoảng hai tuần sau Bàn Thị T một mình đi bộ từ nhà đến khu vực rừng đã chặt, phát trên dùng bật lửa châm lửa đốt thực bì. Đến 14 giờ ngày 28/6/2024, Trạm kiểm lâm Đèo Muồng thuộc Hạt kiểm lâm huyện

Y phối hợp với UBND xã T tiến hành tuần tra, kiểm tra bảo vệ rừng phát hiện và lập biên bản vụ việc.

Kết quả khám nghiệm hiện trường ngày 04/7/2024 xác định: Diện tích rừng bị hủy hoại là 6.509m²; lâm sản bị thiệt hại bao gồm 27 cây thân gỗ (*thuộc loài thông thường*) và 853 cây vầu, thuộc Lô 3-DTR và Lô 13-HG2, khoảnh 167, chức năng rừng sản xuất, thuộc thôn K, xã T, huyện Y, do UBND xã T quản lý.

Tại kết luận định giá tài sản số 42/KLĐG ngày 27/9/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện Y, kết luận: lâm sản bị thiệt hại 27 cây thân gỗ thuộc loài thông thường và 853 cây vầu thời điểm tháng 5/2024 có tổng trị giá là 9.383.500 đồng (*Chín triệu ba trăm tám ba nghìn năm trăm đồng*).

Trên cơ sở kết luận điều tra về hành vi của bị cáo, ngày 21/01/2025, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Yên Sơn đã ban hành cáo trạng số 16/CT- VKS- YS truy tố các bị cáo Bàn Thị T, Triệu Văn S về tội Hủy hoại rừng theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 243 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, sau khi kết thúc phần xét hỏi công khai, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Yên Sơn phát biểu lời luận tội, giữ nguyên nội dung cáo trạng, truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố: các bị cáo Bàn Thị T, Triệu Văn S phạm tội “*Hủy hoại rừng*”.
- Áp dụng: Điểm b, khoản 1 Điều 243; điểm s (áp dụng thêm điểm b đối với bị cáo Bàn Thị T) khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 17, Điều 65 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Bàn Thị T từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 06 tháng tù cho hưởng án treo, thử thách từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm; xử phạt bị cáo Triệu Văn S từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng tù cho hưởng án treo, thử thách từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng. Thời hạn thử thách của các bị cáo tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự: đề nghị HĐXX buộc các bị cáo có nghĩa vụ liên đới bồi thường thiệt hại cho nguyên đơn dân sự là UBND xã T, số tiền bồi thường thiệt hại do hành vi hủy hoại rừng gây ra là 9.383.500 đồng (*Chín triệu ba trăm tám ba nghìn năm trăm đồng*). Chia ra mỗi bị cáo phải bồi thường số tiền là 4.691.750đ. Bị cáo Bàn Thị T đã tạm nộp bồi thường trước số tiền là 3.000.000đ, vì vậy bị cáo T còn phải bồi thường thêm số tiền là 1.691.750đ; bị cáo S phải bồi thường số tiền là 4.691.750đ.

- Về xử lý vật chứng: đề nghị HĐXX áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

+ Tịch thu tiêu hủy 01 (một) con dao quắm bằng kim loại, chuôi gỗ có chiều dài 13cm, phần dao bằng kim loại dài 40cm, bản dao chỗ rộng nhất 4,7cm, dao cũ đã qua sử dụng (thu giữ của bị cáo Bàn Thị T).

+ Tịch thu sung quỹ nhà nước 01 (một) chiếc cưa xích cầm tay, chạy bằng xăng, không rõ nhãn hiệu, vỏ máy màu đen – cam – lam có chiều dài 52cm, máy cũ đã qua sử dụng (thu giữ của bị cáo Triệu Văn S).

- Về án phí và quyền kháng cáo: đề nghị HĐXX miễn toàn bộ án phí cho các bị cáo do các bị cáo đều là hộ nghèo, người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn. Đề nghị HĐXX tuyên quyền kháng cáo đối với các bị cáo, nguyên đơn dân sự theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung cáo trạng đã truy tố. Các bị cáo không tranh luận với luận tội của đại diện Viện kiểm sát. Bị cáo nói lời sau cùng tỏ thái độ ăn năn hối cải, khuyên mọi người không ai được chặt phá rừng, đồng thời xin HĐXX cho các bị cáo hưởng mức án thấp nhất và được cải tạo tại địa phương.

Ý kiến của nguyên đơn dân sự, đại diện UBND xã T trình bày: nội dung vụ án đúng như cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố, yêu cầu các bị cáo Triệu Văn S, Bàn Thị T bồi thường thiệt hại số tiền còn lại là 6.383.500 đồng (*Sáu triệu ba trăm tám ba nghìn năm trăm đồng*). Với vai trò là đại diện chính quyền địa phương, UBND xã T có ý kiến do các bị cáo đều là người dân tộc thiểu số, nhận thức pháp luật hạn chế, nên đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo và cho các bị cáo cơ hội cải tạo tại địa phương.

Ý kiến của người bào chữa cho các bị cáo: do các bị cáo đều là hộ nghèo, người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, nhận thức pháp luật còn hạn chế, vi phạm lần đầu, đã thành khẩn khai báo, bị cáo T đã chủ động bồi thường, được chính quyền địa phương xin giảm nhẹ nên đề nghị HĐXX áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s, khoản 1 và khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt các bị cáo mức khởi điểm khung hình phạt và cho các bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố. Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của nguyên đơn dân sự. Hành vi phạm tội của các bị cáo còn được chứng minh bằng biên bản khám nghiệm hiện trường, kết luận định giá cũng như các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Qua đó, đủ cơ sở kết luận:

Trong khoảng thời gian từ cuối tháng 4 đến đầu tháng 5 năm 2024, các bị cáo Bàn Thị T và Triệu Văn S đã thực hiện hành vi hủy hoại rừng (*dùng dao quắm, cưa xăng chặt, phát, cưa, đốt*), hủy hoại 6.509m² rừng tại Lô 3-DTR và Lô 13-HG2, khoảnh 167, chức năng rừng sản xuất (*nay là Lô 3-DT1 và Lô 9-HG2, khoảnh 167 theo bản đồ phân 03 loại rừng ban hành kèm theo Quyết định 248/QĐ-UBND ngày 17/7/2024 của UBND tỉnh T về việc phê duyệt kết quả rà soát, xây dựng bản đồ 3 loại rừng*) thuộc thôn K, xã T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang, do UBND xã T quản lý. Hành vi hủy hoại rừng của các bị cáo gây thiệt hại về lâm sản 27 cây thân gỗ thuộc loài thông thường và 853 cây vầu có tổng trị giá là 9.383.500 đồng (*Chín triệu ba trăm tám ba nghìn năm trăm đồng*).

Diện tích rừng các bị cáo chặt phá, đốt dọn trên 5.000m², thuộc rừng sản xuất. Do đó hành vi của các bị cáo đã phạm vào tội Hủy hoại rừng, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 243 của Bộ luật Hình sự. Vì vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Sơn truy tố các bị cáo là có căn cứ chấp nhận.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm hại đến trật tự quản lý Nhà nước về khai thác và bảo vệ rừng, xâm hại đến sự ổn định và bền vững của môi trường sinh thái, gây khó khăn cho công tác quản lý, bảo vệ, phát triển rừng của Nhà nước, cụ thể là của chính quyền địa phương tại cơ sở, đồng thời gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự tại địa phương.

[2] Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: không có.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo S và bị cáo T là vợ chồng, gia đình các bị cáo là hộ nghèo, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, nhận thức pháp luật còn hạn chế. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS cần áp dụng cho cả 2 bị cáo. Riêng bị cáo Bàn Thị T đã bồi thường cho nguyên đơn dân sự tại phiên toà số tiền 3.000.000đ nên cần áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ bồi thường thiệt hại quy định tại điểm b, khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[3] Về hướng xử lý: trong vụ án này các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội một phần do nhận thức pháp luật còn hạn chế, một phần do công tác quản lý giám sát bảo vệ rừng của các cơ quan có thẩm quyền còn chưa chặt chẽ thường xuyên. Các bị cáo suy nghĩ giản đơn do gia đình nghèo, cần có thêm đất sản xuất nông nghiệp, thấy diện tích đất rừng bỏ trống nên đã phát dọn với mục đích để trồng cây lâm nghiệp tăng gia sản xuất. Trong vụ án này bị cáo Bàn Thị T thực hiện hành vi chủ động, tích cực hơn bị cáo S, bị cáo T là người trực tiếp dùng dao phát, chặt phá cây cối trong vòng 3 ngày và trực tiếp đốt số cây rừng đã bị cắt chặt; bị cáo S chỉ thực hiện hành vi dùng cưa xăng cắt một số cây to vào ngày cuối cùng bị cáo T. Vì vậy xét thấy cần xét xử bị cáo

Sáng mức án thấp hơn so với bị cáo T là phù hợp. Do các bị cáo phạm tội lần đầu, nhận thức còn hạn chế, có nơi cư trú rõ ràng, động cơ mục đích phạm tội nhằm có đất để sản xuất phát triển kinh tế gia đình, với mong muốn vươn lên thoát nghèo. Các bị cáo cũng đã nhận thức được hành vi phạm tội, ăn năn hối cải, được chính quyền địa phương xin giảm nhẹ, do đó không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, mà cho các bị cáo được hưởng án treo cũng đủ răn đe giáo dục các bị cáo cũng như phòng ngừa tội phạm chung tại địa phương.

[4] Về hình phạt bổ sung: các bị cáo đều làm ruộng, không có thu nhập ổn định, không có tài sản riêng có giá trị nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: các bị cáo có nghĩa vụ liên đới bồi thường thiệt hại cho UBND xã T số tiền thiệt hại do hành vi hủy hoại rừng gây ra là 9.383.500 đồng (*Chín triệu ba trăm tám ba nghìn năm trăm đồng*). Chia ra mỗi bị cáo phải bồi thường số tiền là 4.691.750đ. Tại phiên tòa, bị cáo Bàn Thị T đã nộp bồi thường trước số tiền là 3.000.000đ (*ba triệu đồng*), vì vậy cần buộc bị cáo T phải bồi thường thêm số tiền là 1.691.750đ; bị cáo S phải bồi thường số tiền là 4.691.750đ.

[6] Về vật chứng: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Y đã thu giữ của bị cáo Bàn Thị T 01 con dao quắm, xét thấy đây là vật chứng của vụ án không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 chiếc cưa máy đã thu giữ của bị cáo Triệu Văn S là công cụ sử dụng vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung quỹ nhà nước.

[7] Về án phí và quyền kháng cáo: Do cả hai bị cáo đều là hộ nghèo, sinh sống ở vùng kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, đề nghị được miễn tiền án phí nên HĐXX cần tuyên miễn toàn bộ tiền án phí cho cả hai bị cáo. Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[8] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Quá trình điều tra, truy tố, xét xử, các Điều tra viên, Kiểm sát viên và những người tiến hành tố tụng khác đã thực hiện đúng các hành vi tố tụng và quyết định tố tụng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

*** Về tội danh:** Căn cứ điểm b, khoản 1, Điều 243 Bộ luật Hình sự

Tuyên bố: Các bị cáo Bàn Thị T, Triệu Văn S phạm tội “*Hủy hoại rừng*”.

*** Về hình phạt:** Căn cứ điểm b, khoản 1, Điều 243; điểm s (áp dụng thêm điểm b đối với bị cáo Bàn Thị T) khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 38, Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

1. Bị cáo Bàn Thị T 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù cho hưởng án treo, thời hạn thử thách 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng.

2. Bị cáo Triệu Văn S 01 (một) năm tù cho hưởng án treo, thời hạn thử thách 02 (hai) năm.

Thời hạn thử thách của các bị cáo cho hưởng án treo tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 04/3/2025).

Giao các bị cáo Bàn Thị T, Triệu Văn S cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ hai lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

*** Về vật chứng:** Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, tuyên:

+ Tịch thu tiêu hủy 01 (một) con dao quắm bằng kim loại, chuôi gỗ có chiều dài 13cm, phần dao bằng kim loại dài 40cm, bản dao chỗ rộng nhất 4,7cm, dao cũ đã qua sử dụng.

+ Tịch thu sung quỹ nhà nước 01 (một) chiếc cưa xích cầm tay, chạy bằng xăng, không rõ nhãn hiệu, vỏ máy màu đen – cam – lam có chiều dài 52cm, máy cũ đã qua sử dụng.

(Tình trạng vật chứng như Biên bản giao nhận vật chứng ngày 06/02/2025 giữa Công an huyện Y và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Sơn).

*** Về trách nhiệm dân sự:** Căn cứ Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự, Điều 48 Bộ luật hình sự, tuyên: Bị cáo Triệu Văn S và bị cáo Bàn Thị T phải liên đới bồi thường thiệt hại cho Nhà nước số tiền thiệt hại là 9.383.500 đồng (*Chín triệu ba trăm tám ba nghìn năm trăm đồng*), chia ra mỗi bị cáo phải bồi thường số tiền là 4.691.750đ (*bốn triệu sáu trăm chín mươi một nghìn bảy trăm năm mươi đồng*). Bị cáo Bàn Thị T được khấu trừ đi số tiền đã bồi thường trước là 3.000.000đ (*ba triệu đồng*) theo phiếu tạm thu tiền bồi thường ngày 04/3/2025 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện Y. Bị cáo Bàn Thị T còn phải bồi thường số tiền là 1.691.750đ (*một triệu sáu trăm chín mươi một nghìn bảy trăm năm mươi đồng*), bị cáo Triệu Văn S phải bồi thường số tiền là 4.691.750đ (*bốn triệu sáu trăm chín mươi một nghìn bảy trăm năm mươi đồng*). Toàn bộ số tiền trên được sung vào ngân sách Nhà nước do UBND xã T làm đại diện.

*** Về án phí:** Căn cứ vào điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án, tuyên: Miễn toàn bộ tiền án phí cho bị cáo Bàn Thị T và bị cáo Triệu Văn S.

*** Về quyền kháng cáo:** căn cứ vào các Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự, tuyên bị cáo được quyền kháng cáo bản án, nguyên đơn dân sự được quyền kháng cáo phần bồi thường dân sự trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 04/3/2025)./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Yên Sơn;
- Công an huyện Yên Sơn;
- Chi cục THADS huyện Yên Sơn;
- Thi hành án hình sự;
- UBND xã Trung Minh;
- Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang;;
- Bị cáo; người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Toàn

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA**

Nguyễn Duy Chung – Trần Văn Ngọc

Nguyễn Văn Toàn

